

## TÂM LÝ THẬN TRỌNG CHI PHỐI

## CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

## ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

## MUA

Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.

## BÁN

Nhà đầu tư có thể xem xét tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn trong danh mục, vùng cản quan trọng 1.280-1.300 điểm.

## THEO DÕI

PVD

↑ 10,00%

VND25.300

## NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên ngày thứ Tư (12/2), khi báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1 nóng hơn dự báo làm dấy lên lo ngại về sự trỗi dậy của lạm phát.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Cổ phiếu ngân hàng cùng một số mã trụ cột như HPG, FPT... giảm điểm khiến VN-Index đóng cửa phiên giao dịch trong sắc đỏ, lùi về dưới ngưỡng 1.270 điểm. Điểm sáng là nhóm cổ phiếu đầu tư công tiếp tục hút dòng tiền nhờ kỳ vọng tích cực năm 2025. Về kỹ thuật, thị trường có thể sẽ tiếp tục nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp và mức 1.255 – 1.260 được xem là vùng hỗ trợ gần nhất của chỉ số VN-Index. Diễn biến của các nhóm cổ phiếu sẽ tiếp tục theo xu hướng phân hóa với sự luân phiên tăng điểm ở các nhóm cổ phiếu.

## Thị trường thế giới

| Chỉ số    | Điểm số   | %Chg  | YTD   |
|-----------|-----------|-------|-------|
| Dow Jones | 44.368,56 | -0,50 | 4,29  |
| S&P 500   | 6.051,97  | -0,27 | 2,90  |
| Nasdaq    | 19.649,95 | 0,03  | 1,76  |
| VIX       | 15,89     | -0,81 | -8,41 |
| DAX       | 22.148,03 | 0,50  | 11,25 |
| FTSE 100  | 8.807,44  | 0,34  | 7,76  |
| CAC40     | 8.042,19  | 0,17  | 8,96  |
| Hang Seng | 21.946,29 | 0,40  | 9,40  |

Nguồn: Bloomberg

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



## Chỉ báo kỹ thuật

|                   | Ngày | Tuần    | Tháng |
|-------------------|------|---------|-------|
| Xu hướng VN-Index | BUY  | NEUTRAL | BUY   |

  

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị  | Hành động |
|------------------|----------|-----------|
| RSI (14)         | 55,22    | BUY       |
| MACD (12,26)     | 4,28     | BUY       |
| ADX (14)         | 15,64    | NEUTRAL   |
| SMA5             | 1.269,06 | SELL      |
| SMA20            | 1.253,20 | BUY       |
| SMA50            | 1.257,57 | BUY       |
| SMA100           | 1.259,89 | BUY       |
| SMA200           | 1.260,00 | BUY       |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Chỉ số CPI lõi, thước đo không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước, cũng đều là những mức tăng cao hơn so với kỳ vọng. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm tăng tới mức 4,66% trong phiên này.
- Giá dầu thô sụt hơn 2% vì Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell tiếp tục đưa ra quan điểm cứng rắn về chính sách tiền tệ và Tổng thống Mỹ Donald Trump có động thái nhằm tiến tới chấm dứt chiến tranh Nga - Ukraine.
- Tại Tờ trình mà Chính phủ gửi Quốc hội, kế hoạch đầu tư công năm nay sẽ được tăng lên 36 tỷ USD, tương đương 875.000 tỷ đồng, cao hơn khoảng 84.300 tỷ đồng so với kế hoạch đã giao trước đó.
- Sau chuỗi phiên bơm ròng liên tiếp, NHNN đã quay trở lại trạng thái hút ròng khi các khoản cho vay cầm cố giấy tờ có giá đáo hạn và tăng phát hành tín phiếu. Trong phiên giao dịch ngày 12/2, NHNN đã phát hành gần 5.000 tỷ đồng tín phiếu, với lãi suất 4% cho 5 thành viên. Cùng thời gian trên, có 4.050 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, lượng hút ròng qua kênh này khoảng 950 tỷ đồng. Trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá, nhà điều hành đã cho các thành viên vay tổng cộng hơn 16.653 tỷ đồng với lãi suất 4%/năm. Tuy nhiên khối lượng đáo hạn lên tới 35.000 tỷ đồng. Do đó, tổng hút ròng qua kênh này lên tới 18.347 tỷ đồng. Như vậy, trên cả hai kênh NHNN đã hút về 19.298 tỷ đồng.
- **BWE:** Năm nay, công ty đặt mục tiêu với sản lượng nước thương phẩm là 220 triệu m<sup>3</sup>, tăng 10% so với cùng kỳ. Doanh thu (bao gồm doanh thu nội bộ) kỳ vọng đạt 5.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất tối thiểu đạt 680 tỷ đồng, lần lượt tăng 31% về doanh thu và tăng ít nhất 2% về lợi nhuận so với năm ngoái. Kế hoạch cổ tức dự kiến là 13% bằng tiền (1.300 đồng/cp) và dự kiến chia trong quý II/2025.
- **MSN:** Quý 4/2024, CTCP Tập đoàn Masan ghi nhận 691 tỷ đồng lợi nhuận, cao gấp 14 lần cùng kỳ năm 2023. Kết thúc năm 2024, MSN đã hoàn thành gần 200% kế hoạch lợi nhuận kịch bản cơ sở, mang về xấp xỉ 2.000 tỷ đồng, gấp gần 4,8 lần năm 2023. Đóng góp vào kết quả tích cực này là sự tăng trưởng bền vững của mảng kinh doanh tiêu dùng bán lẻ.
- **BMI:** Theo báo cáo tài chính quý 4/2024 của BMI, lãi ròng giảm 42% so với cùng kỳ năm trước, còn hơn 43 tỷ đồng. Nguyên nhân giảm lãi ròng đến từ lợi nhuận cả 2 mảng kinh doanh bảo hiểm và tài chính lần lượt giảm 25% và 28% so với cùng kỳ, về còn 72 tỷ đồng và 29 tỷ đồng. Lũy kế năm 2024, lợi nhuận kinh doanh bảo hiểm của BMI giảm nhẹ 2% so với năm trước, còn 253 tỷ đồng, khi chi phí tăng tương ứng với doanh thu.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Chg  | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 2.904,57  | 0,02  | 10,67  |
| Dầu WTI   | 70,86     | -0,71 | -1,20  |
| Dầu Brent | 74,66     | -0,69 | 0,03   |
| Than      | 104,50    | -0,24 | -16,57 |
| Đồng      | 9.454,50  | 1,03  | 7,83   |
| Quặng sắt | 107,01    | 1,12  | 2,08   |
| Thép      | 464,50    | 0,43  | -2,37  |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số  | Giá     | %Chg  | YTD   |
|---------|---------|-------|-------|
| DXY     | 107,923 | -0,01 | -0,52 |
| USD/JPY | 154,33  | 0,06  | 1,86  |
| USD/CNY | 7,305   | 0,03  | -0,08 |
| EUR/USD | 1,0397  | 0,13  | 0,42  |
| GBP/USD | 1,2453  | 0,06  | -0,50 |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED  | 4,75%    | 19/03/2025         | -0,25             |
| ECB  | 2,90%    | 06/03/2025         | -0,50             |
| BOE  | 4,75%    | 06/02/2025         | -0,25             |
| BOJ  | 0,50%    | 19/03/2025         | 0,25              |
| SBV  | 6,50%    | -                  | -50bp             |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD   | Giá     | %Chg  |
|-------|--------|---------|-------|
| FPT   | 273,64 | 145.000 | -0,28 |
| HPG   | 354,41 | 25.850  | -0,96 |
| TCB   | 297,40 | 25.700  | -0,77 |
| STB   | 330,52 | 38.650  | 0,39  |
| CTG   | 196,30 | 40.500  | -0,49 |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa    | Giá     | %Chg  |
|-------|------------|---------|-------|
| VCB   | 511.401,85 | 91.500  | -0,44 |
| BID   | 275.900,61 | 40.000  | -1,11 |
| CTG   | 217.484,67 | 40.500  | -0,49 |
| FPT   | 213.305,03 | 145.000 | -0,28 |
| TCB   | 181.566,69 | 25.700  | -0,77 |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

PVD

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

23.450

25.300

10,00%

22.500-23.000

<21.900

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- PV Drilling đã báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 với doanh thu hợp nhất đạt 9.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 630 tỷ đồng, lần lượt vượt 45% và 64% kế hoạch cả năm. Đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất trong vòng 9 năm qua của PV Drilling. Trong năm 2025, PV Drilling đặt mục tiêu doanh thu đạt 7.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 530 tỷ đồng.
- Hiện PV Drilling đang sở hữu 04 giàn khoan tự nâng, 01 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm và 01 giàn khoan đất liền. Trong đó, có 03 giàn khoan đã được đảm bảo việc làm đến năm 2028.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- PVD đang tạo vùng tích lũy quanh đường MA50 ngày, vùng cản gần 24.000-24.200 đồng đang là thử thách trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân thăm dò đối với cổ phiếu PVD, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 22.500-23.000 đồng.

Thông tin tài chính

|             | FY2023 | FY2024 | Q42024 |
|-------------|--------|--------|--------|
| DTT (tỷ đ)  | 0      | 0      | 0      |
| LNTT (tỷ đ) | 0      | 0      | 0      |
| LNST (tỷ đ) | 0      | 0      | 0      |
| Nợ/VCSH (%) | 22     | 19     | 19     |
| ROE (%)     | 3,18   | 4,55   | 4,55   |
| ROA (%)     | 2,77   | 3,05   | 3,05   |
| EPS (VNĐ)   | 0      | 0      | 0,04   |
| P/E (lần)   | 34,3   | 23,0   | 23,59  |
| P/B (lần)   | 1,07   | 0,82   | 0,82   |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

|          | Ngày    | Tuần | Tháng |
|----------|---------|------|-------|
| Xu hướng | NEUTRAL | SELL | SELL  |

  

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| RSI (14)         | 51,50   | BUY       |
| MACD (12,26)     | 0,04    | SELL      |
| ADX (14)         | 12,56   | BUY       |
| SMA5             | 23.500  | SELL      |
| SMA20            | 23.150  | BUY       |
| SMA50            | 23.430  | BUY       |
| SMA100           | 24.640  | SELL      |
| SMA200           | 27.010  | SELL      |

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT                             | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua  | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/-   |
|---------------------------------|-------------|--------|-----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| Danh mục theo dõi               |             |        |           |          |         |              |            |          |         |       |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua |             |        |           |          |         |              |            |          |         |       |
| 1                               | VCI         | Mua    | 33,8-34,8 | 4/2/2025 | 34,6    | 37,6         | 32,3       |          |         | 0,58% |

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế      | Vùng mua   | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | MWG         | Chốt lời    | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 54,8         | 37,8       | 31/7/2023  | 54      | 32,35% |
| 2   | NLG         | Chốt lời    | 31,3-32,45 | 9/6/2023   | 32      | 38,3         | 30,2       | 18/7/2023  | 38,3    | 19,69% |
| 3   | MWG         | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 47,8         | 37,8       | 11/7/2023  | 48,8    | 19,61% |
| 4   | DGW         | Chốt lời    | 54,5-56    | 16/2/2024  | 56      | 63,2         | 53,9       | 13/3/2024  | 64,3    | 16,07% |
| 5   | HCM         | Chốt lời    | 21,1-22    | 20/12/2023 | 21,9    | 24,3         | 20,4       | 2/1/2024   | 25,4    | 15,98% |
| 6   | SSI         | Chốt lời    | 27,8-28,8  | 26/10/2023 | 27,2    | 32,8         | 26,9       | 10/11/2023 | 31,5    | 15,81% |
| 7   | DBC         | Chốt lời    | 20,3-20,6  | 20/6/2023  | 20,6    | 23,6         | 19,2       | 6/7/2023   | 23,85   | 15,78% |
| 8   | DGW         | Chốt lời    | 32,4-33    | 16/5/2023  | 33      | 37,2         | 30,7       | 6/6/2023   | 37,8    | 14,55% |
| 9   | VPB         | Chốt lời    | 18,6-19,2  | 26/4/2023  | 19,2    | 22,6         | 17,9       | 1/8/2023   | 21,95   | 14,32% |
| 10  | ANV         | Chốt lời    | 34,8-36,3  | 11/9/2023  | 36,3    | 41,2         | 33,8       | 22/9/2023  | 41,2    | 13,50% |
| 11  | DGW         | Chốt lời    | 49-51,5    | 21/11/2023 | 50      | 57,8         | 48         | 8/1/2023   | 56,7    | 13,40% |
| 12  | HCM         | Chốt lời    | 25,9-26,3  | 12/6/2023  | 26,3    | 29,5         | 24,5       | 5/7/2023   | 29,8    | 13,31% |
| 13  | SSI         | Chốt lời    | 28,0-28,6  | 1/8/2023   | 28,6    | 33,5         | 27,4       | 25/8/2023  | 32,3    | 12,94% |
| 14  | PVS         | Chốt lời    | 30,4-31,2  | 22/8/2023  | 31,2    | 35,2         | 29,3       | 30/8/2023  | 35,2    | 12,82% |
| 15  | HPG         | Chốt lời    | 24,8-25,8  | 22/8/2023  | 25,8    | 29,1         | 24         | 7/9/2023   | 29,1    | 12,79% |
| 16  | NKG         | Chốt lời    | 17,3-17,7  | 5/7/2023   | 17,5    | 20,4         | 16,3       | 21/7/2023  | 19,7    | 12,57% |
| 17  | KSB         | Chốt lời    | 26,6-27,1  | 8/6/2023   | 27,1    | 30,5         | 25,2       | 27/6/2023  | 30,5    | 12,55% |
| 18  | NKG         | Chốt lời    | 20,3-20,8  | 24/11/2023 | 20,8    | 23,9         | 19,6       | 30/11/2023 | 23,35   | 12,26% |
| 19  | HAH         | Chốt lời    | 34-35,5    | 23/11/2023 | 35      | 40,7         | 32,9       | 26/12/2023 | 39,2    | 12,00% |
| 20  | GVR         | Chốt lời    | 18,9-19,3  | 28/6/2023  | 19,3    | 22,3         | 18         | 11/7/2023  | 21,6    | 11,92% |
| 21  | VCG         | Chốt lời    | 25,5-26,2  | 18/8/2023  | 26,2    | 29,3         | 24,5       | 5/9/2023   | 29,3    | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | HAH         | Chốt lời | 41-42,5   | 4/11/2024  | 42,5    | 46,3         | 40         | 8/11/2024  | 46,3    | 8,94%  |
| 2   | HCM         | Chốt lời | 26-27     | 19/11/2024 | 27      | 29,8         | 25,7       | 6/12/2024  | 29,8    | 10,37% |
| 3   | ANV         | Chốt lời | 17,8-18,1 | 27/11/2024 | 18      | 19,5         | 17,3       | 6/12/2024  | 20,5    | 13,89% |
| 4   | STB         | Chốt lời | 30,5-31,5 | 20/11/2024 | 31,5    | 34,5         | 30         | 18/12/2024 | 34,2    | 9,52%  |
| 5   | VCI         | Cơ cấu   | 32-33,5   | 26/11/2024 | 33,5    | 36,2         | 31,4       | 7/1/2025   | 32,5    | -2,99% |
| 6   | SSI         | Cơ cấu   | 25,5-26   | 19/12/2024 | 25,8    | 28,6         | 24,8       | 7/1/2025   | 25,35   | -1,74% |
| 7   | PVD         | Cắt lỗ   | 23,3-23,6 | 13/12/2024 | 23,3    | 26           | 22,4       | 7/1/2025   | 22,4    | -3,86% |
| 8   | DPM         | Cắt lỗ   | 34-35,5   | 25/11/2024 | 35,2    | 38           | 33         | 10/1/2025  | 33,5    | -4,83% |
| 9   | HPG         | Cắt lỗ   | 26-26,5   | 5/12/2024  | 26,5    | 29           | 25,2       | 10/1/2025  | 25,55   | -3,58% |
| 10  | VPB         | Cắt lỗ   | 18,8-19   | 17/12/2024 | 19      | 20,5         | 17,9       | 10/1/2025  | 18,5    | -2,63% |
| 11  | TCB         | Cắt lỗ   | 23,5-23,9 | 19/12/2024 | 23,8    | 26,3         | 22,7       | 10/1/2025  | 23,4    | -1,68% |
| 12  | SZC         | Cắt lỗ   | 41-42     | 19/12/2024 | 42      | 45,8         | 40         | 10/1/2025  | 41      | -2,38% |
| 13  | HHV         | Chốt lời | 10,8-11,4 | 10/1/2024  | 11,4    | 12,8         | 10,5       | 17/1/2025  | 12,8    | 12,28% |
| 14  | VCG         | Chốt lời | 17,7-18,1 | 14/01/2025 | 18,1    | 19,8         | 17,2       | 3/2/2025   | 20      | 10,50% |
| 15  | HPG         | Cắt lỗ   | 26-26,8   | 5/2/2025   | 26,8    | 28,9         | 25,5       | 10/2/2025  | 25,50   | -4,8%  |

Email: [Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍❤️2

Khuyến nghị 30/1/2024

| M&CP                  | NVL     | Tỷ lệ    |
|-----------------------|---------|----------|
| Mua                   | 16-16.5 |          |
| Cắt lỗ                | Điểm 14 | -(-12%)  |
| Chốt lời 1:(50%)      | 18-19   | -13%-18% |
| Chốt lời 2:(50%)      | 21-22   | -18-37%  |
| M&CP                  | MSN     | Tỷ lệ    |
| Mua                   | 65-66   |          |
| (Có thể DCA về 61-62) |         |          |
| Cắt lỗ                | Điểm 59 | -(-5%)   |
| Chốt lời 1:(50%)      | 72-75   | -13%-14% |
| Chốt lời 2:(50%)      | Năm giờ |          |
| M&CP                  | GEX     | Tỷ lệ    |
| Mua                   | 21-21.5 |          |
| Cắt lỗ                | 19.8    | -(-4%)   |
| Chốt lời 1:(50%)      | 23-24   | -7%-12%  |
| Chốt lời 2:(50%)      | 25.4-26 | -13%-24% |

bị Thanh Định

@ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

|                    |                        |
|--------------------|------------------------|
| Mã chứng khoán     | MWG                    |
| Tổng khối lượng CK | 190,000                |
| Giá vốn trung bình | 43.34                  |
| Gốc đầu tư         | 🕒 99,800 đ             |
| Giá trị thị trường | 8,280,000,000 đ        |
| Lãi/lỗ (đây kiến)  | +679,500,200 đ (6.15%) |

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)